

Bản án số: 208/2021/DS-PT

Ngày: 22-06-2021

V/v tranh chấp quyền sử  
dụng đất và chia thừa kế;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- T1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Phước Tự

Ông Phạm Ngọc Giao

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31/5 và 22/6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2020/DS-ST ngày 26 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân T1 phố C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 126/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa:

***- Nguyên đơn:*** Nguyễn Văn C, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Số nhà 1077, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm:

1/ Bà Dương Thị A, sinh năm 1939;

Số nhà 1077, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố C, Đồng Tháp.

2/ Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 1084, tổ 31, khóm 1, Phường 11, TP. C, Đồng Tháp.

3/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964;

Số nhà 1077, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố C, Đồng Tháp.

4/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 1086, tổ 31, khóm 1, Phường 11, TP. C, Đồng Tháp.

5/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969.

6/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số nhà 1077, tổ 2, khóm 1, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 151, Lê Thị Riêng, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021)

7/ Ông Nguyễn Văn Thạnh, sinh năm 1973;

8/ Ông Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1976;

9/ Ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1976;

10/ Bà Nguyễn Thị Bé Nga, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà 1077, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của bà A, L, T, Nhi, Thạnh, Phong, Sơn, Nga và bà Rạn:* Ông Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 103, đường Chi Lăng, Phường 3, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Tổng, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số 1090, tổ 31, khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L:*

1/ Nguyễn Văn Thống, sinh năm 1982.

2/ Lê Thị Huệ, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số nhà 1090, tổ 31, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Kim L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 1084, tổ 31, khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 1086, tổ 31, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị T:* Ông Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 103, đường Chi Lăng, phường 3, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 07/12/2017.

5/ Nguyễn Văn Sảo, sinh năm 1924 (chết ngày 14/5/2020).

Địa chỉ: Số 1092, tổ 31, khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Sảo là:*

5.1/ Nguyễn Thị Đẹp, chết năm 1976, có chồng là Nguyễn Văn Leo, chết năm 2013 và các con gồm:

- Nguyễn Văn Phường, sinh năm 1976;

- Nguyễn Văn Thịnh, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã Mỹ Tân, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.2/ Nguyễn Thị Kim Hòa, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 1092, tổ 2, Khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

5.3/ Nguyễn Văn Nguơn, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ 2, Khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.4/ Nguyễn Duy Quốc, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ 2, Khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- 5.5/ Nguyễn Ngọc Sương, chết năm 2013; có chồng là Nguyễn Tấn Hùng, chết năm 2019 và các con gồm:
- Nguyễn Sơn Ca, sinh năm 1985;
  - Nguyễn Sơn Cát, sinh năm 1990;
- Địa chỉ: Tổ 2, Khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Nguyễn Thị Kim Phụng, sinh năm 1992.
- Địa chỉ: Xã Bình Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.
- 5.6/ Nguyễn Văn Hội, sinh năm 1964;
- Địa chỉ: Khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 5.7/ Nguyễn Văn Kịp, sinh năm 1966;
- Địa chỉ: Ấp 5, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 5.8/ Nguyễn Văn Bé Em, sinh năm 1968;
- Địa chỉ: Số nhà 87, đường Phù Đồng, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 5.9/ Nguyễn Hải Triều, sinh năm 1971.
- Địa chỉ: Tổ 2, Khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 5.10/ Nguyễn Duy Tâm, sinh năm 1973;
- Địa chỉ: Số 1092, tổ 2, Khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- 6/ Nguyễn Thị Phiên, sinh năm 1943.
- Địa chỉ: Số 159, tổ 56, khóm 5, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- 7/ Nguyễn Ngọc Khởi, sinh năm 1967.
- Địa chỉ: Số nhà 34/16A, đường Nguyễn Bình Khiêm, tổ 3, khu phố 3, phường Thới Tam, T1 phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Người đại diện theo ủy quyền của ông Khởi là: Ông Nguyễn Ngọc Thảo, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 5, khóm 5, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 8/ Trần Ngọc Tâm, sinh năm 1993.
- 9/ Trần Thị Bích Tuyền Em, sinh năm 1990.
- 10/ Trần Ngọc Sơn, sinh năm 1960.
- Cùng địa chỉ: Số nhà 1084, Quốc lộ 30, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 11/ Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1986.
- 12/ Nguyễn Quốc Quân, sinh ngày 23/9/2009.
- 13/ Nguyễn Ngọc Quyên, sinh ngày 02/12/2013.
- Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Quốc Quân và Nguyễn Ngọc Quyên:* Chị Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1986 (mẹ ruột) anh Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1983 (cha ruột)
- Cùng địa chỉ: Số nhà 1086, Quốc lộ 30, tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 14/ Nguyễn Thị Bảy, sinh năm 1944.
- Địa chỉ: Số nhà 34/16A, đường Nguyễn Bình Khiêm, tổ 3, khu phố 3, phường Thới Tam, T1 phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Phiên, ông Nguyễn Ngọc Khởi là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

- *Người kháng nghị:* Viện Kiểm Sát Nhân Dân T1 Phố Cao Lãnh;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vũ Tuấn Anh đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Ông Nguyễn Văn C đang quản lý và sử dụng phần đất diện tích 1.777,4m<sup>2</sup>, Tộc thửa 640, tờ bản đồ số 13, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp nhiều năm nay với bà Tổng.

Thửa đất 640 được hợp T1 từ hA phần đất:

- Phần đất thứ nhất: Diện tích 1.279,25m<sup>2</sup> do cụ Nguyễn Văn Lệ cho ông C vào ngày 28/12/1984 (khi còn sống). Việc cụ Lệ cho đất ông C đã được anh em, con cháu trong dòng họ cụ Lệ đồng ý ký tên và được Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa (nay là Phường 11) xác nhận.

Đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Nam giáp đường Quốc Lộ 30, chiều ngang khoảng 21,5m;
- + Hướng Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị Tổng;
- + Hướng Bắc giáp con mương lạng Cá Trê;
- + Hướng Đông giáp với phần đất của ông C.

- Phần đất thứ hA: Diện tích 498,15m<sup>2</sup> do cụ Nguyễn Văn Đại (cha của ông C) lúc còn sống đã cho ông C (cụ Đại chết năm 1963). Tứ cận như sau:

- + Hướng Nam giáp đường Quốc Lộ 30, chiều ngang khoảng 15,16m;
- + Hướng Tây giáp đất của cụ Lệ đã cho ông C;
- + Hướng Bắc giáp con mương lạng Cá Trê;
- + Hướng Đông giáp với phần đất của Trường Trung Vương.

Sau khi nhận đất được tặng cho, khoảng năm 1986, ông C có chia đất cho các con là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị T mỗi người một phần đất chiều ngang khoảng 10m, chiều dài hết đất để cất nhà và trồng cây.

Hộ bà Nguyễn Thị Tổng sử dụng thửa đất 641 giáp ranh với thửa đất trồng Tộc thửa 640 của ông C có diện tích 372m<sup>2</sup> (chiều ngang 6m, chiều dài khoảng 62m). Hộ bà Tổng cho rằng phần đất diện tích 372m<sup>2</sup> là của mình nên bà Tổng đã tự ý xây dựng nhà, trồng cây. Việc tranh chấp diện tích 372m<sup>2</sup> giữa ông C và bà Tổng đã được anh em trong gia đình giải quyết nhiều lần nhưng không T1 cho nên ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/4/2017 và ngày 16/5/2017, Ủy ban nhân dân phường 11, T1 phố Cao Lãnh tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do cả hA lẫn hòa giải bà Tổng đều vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn C yêu cầu bà Nguyễn Thị Tổng, anh Nguyễn Văn Thống và chị Lê Thị Huệ trả lại cho ông C phần đất diện tích 372m<sup>2</sup> nằm trong phần đất diện tích 1.777,4m<sup>2</sup>, Tộc thửa 640, tờ bản đồ số 13, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu hộ bà Tổng di dời tài sản, vật kiến trúc trên phần đất lấn chiếm này.

Yêu cầu công nhận cho ông C được sử dụng phần đất có diện tích trong phạm vi các mốc 26, F, 5, 6, 7, 18, 19, 14, C, 28, 27 và trở về mốc 26 Tộc một phần thửa 640, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại Phường 11, T1 phố Cao Lãnh; đất có nguồn gốc được tặng cho từ cụ Nguyễn Văn Lệ và cụ Nguyễn Văn Đại và toàn bộ tài sản, cây trồng trên phần đất nói trên.

Đối với nội dung của công văn số 1409/TA-VP ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ông Tuấn Anh đại diện theo ủy quyền của ông C xác định bản án số 73/1989/DSPT ngày 27/7/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là giải quyết về tài sản trên đất, tiền, vàng, không giải quyết tranh chấp về đất.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Vũ Tuấn Anh đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C yêu cầu:

Thứ nhất: Yêu cầu công nhận diện tích 1.732,5m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 26, F, 5, 6, 7, 18, 19, 14, C, 28, 27 trở về mốc 26. Công nhận quyền sở hữu đối với các cây trồng trên diện tích đất này.

Thứ hai: Thống nhất diện tích 106,4m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 7, 8, 9, 19, 11, 12, E, D, C, 14, 19, 18 trở về mốc 7 để làm lối đi chung, không tranh chấp.

Thứ ba: Rút yêu cầu đối với phần diện tích 422,1m<sup>2</sup> (có nhà thờ cụ Kiềm).

**Theo các văn bản ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tổng trình bày:**

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Đại (chết năm 1963) và cụ Trần Thị Mỹ (chết năm 1983), cụ Đại và cụ Mỹ có 05 người con, gồm: Nguyễn Văn Sảo, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Phiên, Nguyễn Văn Tổng và Nguyễn Thị Tổng. Khi còn sống, cụ Đại và cụ Mỹ đã cho đất ông Sảo, ông C. Cụ Đại và cụ Mỹ sống chung với bà Tổng và để lại phần đất 1.777,4 m<sup>2</sup>, thửa 640, tờ bản đồ 13, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho bà Tổng quản lý sử dụng cho đến nay.

Đến năm 1992, con ông C là Nguyễn Kim L và Nguyễn Thị T tự ý cất nhà trên phần đất nêu trên mà không được sự đồng ý của bà Tổng. Trên phần đất này bà Tổng và cụ Mỹ đã trồng 02 cây dừa, 03 cây vú sữa, 02 cây me chua, 05 cây me tây, 04 bụi tre mỡ, 07 cây sao.

Bà Tổng yêu cầu bà L, bà T, ông C tháo dỡ nhà và vật kiến trúc trên diện tích đất 1.777,4 m<sup>2</sup>, thửa 640, tờ bản đồ 13, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh để trả đất lại cho bà Tổng; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nói trên cho bà Tổng; yêu cầu công nhận quyền sở hữu cho bà Tổng đối với các cây trồng nói trên.

Tại phiên hòa giải, bà Tổng yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 856,5m<sup>2</sup> và nhà thờ cụ Kiềm tọa lạc trên phần diện tích đất này Tộc một phần diện tích đất 2.804,7m<sup>2</sup>, thửa 640, tờ bản đồ 13, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với nội dung của công văn số 1409/TA-VP ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, bà Tổng xác định phần đất tranh chấp hiện nay chính là phần đất đã được giải quyết theo bản án số 73/1989/DSPT ngày

27/7/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Căn nhà bà Tổng đang sử dụng là nhà của cụ Mỹ và cụ Đại để lại cho bà Tổng, căn nhà của cụ Kiềm đã sử dụng trước năm 1975, sau khi cụ Kiềm chết con cháu xây dựng nhà thờ trên phần nhà cũ đến nay, hA căn nhà này đã được giải quyết tại bản án nêu trên, hiện nay bà Tổng đang quản lý thờ cúng. Đối với phần đất còn lại trước đây anh em đã thỏa Tận chia (đã được thể hiện tại bản án) nhưng nay anh em không thỏa Tận được nên yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn căn cứ vào văn bản cho đất của cụ Nguyễn Văn Lệ lập ngày 28/12/1984 để khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trả đất, bà Tổng cho rằng văn bản này có vấn đề về con dấu đóng tại chữ ký mang tên Nguyễn Thanh Hồng, con dấu bị đồ lại bằng mực đỏ, bên cạnh đó chữ viết của người viết đơn và người xác nhận giống nhau thì không đúng quy định. Bà Tổng không yêu cầu giám định văn bản nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Tổng đồng ý giao cho ông C phần đất diện tích 521,4m<sup>2</sup> có căn nhà của bà L và bà T tại các mốc 21, 24, 26, 27 về mốc 21.

Bà Tổng thống nhất thừa lỗi đi diện tích 106,4m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc 7, 9, 10, 11, 12, E, C, 14 trở về 7 làm lỗi đi công cộng.

Đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc B, 15, 16, 17, 4, F, 26 và về mốc B, nguyên đơn không khởi kiện, bà Tổng và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất còn lại của cụ Đại và cụ Mỹ, bà Tổng đồng ý chia thừa kế cho bà Phiên và ông Khởi.

***Theo các văn bản ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phiên trình bày:***

Bà Phiên thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp và hàng thừa kế của cụ Đại và cụ Mỹ như bà Nguyễn Thị Tổng trình bày. Cụ Đại và cụ Mỹ chết, không để lại di chúc bằng văn bản nhưng trước khi chết cụ Đại và cụ Mỹ có nói cho bà Phiên 01 nền nhà, cạnh nhà bà Tổng. Riêng ông Sảo và ông C đã được chia đất khi cha mẹ còn sống.

Do ông C cố tình chiếm đoạt phần đất tại thửa 640, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.154,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên khởi kiện yêu cầu bà Tổng trả đất và đã cho hA người con là Nguyễn Kim L và Nguyễn Thị T cất nhà ở, việc này là trái với mong muốn của cụ Đại và cụ Mỹ khi còn sống.

Bà Nguyễn Thị Phiên yêu cầu được chia thừa kế phần đất của cha mẹ để lại là 01 nền nhà ngang 06m dài từ lộ 30 đến hết đất khoảng 62m, diện tích 372m<sup>2</sup>, vị trí cạnh nhà thờ của cụ Kiềm (chị cụ Đại), Tộc một phần thửa 640, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.154,6m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phiên khởi kiện bổ sung yêu cầu phân chia cho bà một nền nhà tại vị trí đất sau đây: Mặt tiền giáp quốc lộ 30 từ mốc 14 qua hướng nhà của Nguyễn Kim L ngang 8,74m (giáp nhà bà L) dài từ Quốc lộ 30 đến hết đất.

Đối với phần đất phía sau nhà của Nguyễn Kim L và Nguyễn Thị T, bà

Phiên yêu cầu chia cho bà diện tích 500m<sup>2</sup> giáp với đất ông Nguyễn Duy Tâm.

Các cây trồng trên đất, bà Phiên yêu cầu được sử dụng các cây trồng trên đất được chia vì cây trồng này do cụ Đại và cụ Mỹ trồng.

Bà Phiên thống nhất lời trình bày của bà Tống có vấn đề về con dấu và chữ viết của người viết đơn và người xác nhận trong văn bản cho đất của cụ Nguyễn Văn Lệ lập ngày 28/12/1984 do nguyên đơn nộp. Bà Phiên không yêu cầu giám định văn bản nêu trên.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Phiên yêu cầu sử dụng một nền nhà diện tích 169,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 20, 21, 27, 28 về mốc 20 và một nền nhà diện tích 498,6m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 4, 17, 18, 7, 6, 5, về mốc 4.

Đối với cây trồng trên đất của A được chia thì người đó được hưởng, đồng ý ông C được di dời cây kiềng trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận.

Đối với nội dung của công văn số 1409/TA-VP ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, bà Phiên thống nhất lời trình bày của bà Tống, đồng ý giao căn nhà và phần đất nhà thờ của cụ Kiểm cho bà Tống toàn quyền quản lý, sử dụng, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất diện tích 521,4m<sup>2</sup> có căn nhà của bà L và bà T trong phạm vi các mốc 21, 24, 26, 27 về mốc 21 bà Phiên đồng ý giao cho ông C.

Bà Phiên thống nhất chừa lối đi, diện tích 106,4m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 7, 9, 10, 11, 12, E, C, 14 trở về 7 làm lối đi công cộng.

Đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc B, 15, 16, 17, 4, F, 26 và về mốc B, nguyên đơn không khởi kiện, bà Tống, bà Phiên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc Khởi trình bày:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp, quá trình sử dụng và hàng thừa kế của cụ Đại và cụ Mỹ, ông Khởi thống nhất lời trình bày của bà Tống và bà Phiên.

Ông Nguyễn Ngọc Khởi yêu cầu được chia thừa kế thế vị phần đất của ông bà để lại là 01 nền nhà ngang từ vách nhà bà T đo qua hướng Trường tiểu học Trung Vương, dài từ lộ 30 đến hết đất khoảng 42m, diện tích khoảng 240m<sup>2</sup>, Tộc một phần thửa 640, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.777,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Sau đó, ông Khởi khởi kiện bổ sung yêu cầu chia cho ông một nền nhà tại vị trí đất sau đây: Mặt tiền giáp quốc lộ 30 từ giáp nhà của Nguyễn Kim L sang giáp tường của Trường tiểu học Trung Vương ngang 8,74m; chiều dài từ Quốc lộ 30 đến ngang gốc nhà bà L khoảng 35m, diện tích 305,9m<sup>2</sup>.

Đối với phần đất phía sau nhà của Nguyễn Kim L và Nguyễn Thị T, ông Khởi yêu cầu chia thừa kế diện tích 500m<sup>2</sup> giáp với đất bà L, bà T và phần đất bà Phiên đang yêu cầu chia.

Các cây trồng trên đất, ông Khởi yêu cầu được sử dụng các cây trồng trên đất được chia vì cây trồng này do cụ Đại và cụ Mỹ trồng.

Ông Khởi thống nhất lời trình bày của bà Tống có vấn đề về con dấu và chữ viết của người viết đơn và người xác nhận trong văn bản cho đất của cụ

Nguyễn Văn Lê lập ngày 28/12/1984 do nguyên đơn nộp. Ông Khởi không yêu cầu giám định văn bản nêu trên.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Khởi yêu cầu được sử dụng một nền nhà diện tích 163m<sup>2</sup> tại các mốc 19, 20, 28, C, 14, về mốc 19 và một nền nhà diện tích 480,7m<sup>2</sup> tại các mốc 16, 17, 18, 19 về mốc 16.

Đối với cây trồng trên đất của A được chia thì người đó được hưởng, đồng ý ông C được di dời cây kiềng trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận.

Đối với nội dung của công văn số 1409/TA-VP ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ông Khởi thống nhất lời trình bày của bà Tổng, đồng ý giao căn nhà và phần đất nhà thờ của cụ Kiểm cho bà Tổng toàn quyền quản lý, sử dụng, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất diện tích 521,4m<sup>2</sup> có căn nhà của bà L và bà T tại các mốc 21, 24, 26, 27 về mốc 21 ông Khởi đồng ý giao cho ông C.

Ông Khởi thống nhất chừa lối đi diện tích 106,4m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc 7, 9, 10, 11, 12, E, C, 14 trở về 7 làm lối đi công cộng.

Đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc B, 15, 16, 17, 4, F, 26 và về mốc B, nguyên đơn không khởi kiện, bà Tổng, bà Phiên, ông Khởi và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Ông Nguyễn Văn C được sử dụng phần đất diện tích 1.732,5m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 26, F, 5, 6, 7, 18, 19, 14, C, 28, 27 và trở về 26; được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

Đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và chịu trách nhiệm nộp các khoản T theo quy định pháp luật (nếu có).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông C đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc B, 15, 16, 17, 4, F, 26 và về mốc B.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Phiên về việc yêu cầu chia phần đất diện tích 169,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 20, 21, 27, 28 về mốc 20 và một nền nhà diện tích 498,6m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 4, 17, 18, 7, 6, 5, về mốc 4.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn Khởi về việc yêu cầu chia phần đất diện tích 163m<sup>2</sup> tại các mốc 19, 20, 28, C, 14, về mốc 19 và một phần đất diện tích 480,7m<sup>2</sup> tại các mốc 16, 17, 18, 19 về mốc 16.

Đất tranh chấp Tộc một phần thửa 640, tờ bản đồ 13, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T1 phố Cao Lãnh ngày 26/8/2020).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và tuyên về thời hạn kháng cáo.



- Bà Phiên, ông Khởi kháng cáo yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất;

- Viện trưởng VKS T1 Phố Cao Lãnh kháng nghị đề nghị sửa một phần án sơ thẩm về nội dung.

**- Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo; Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người L quan là ông Khởi và bà Phiên thay đổi một phần nội dung yêu cầu phản tố, thay đổi nội dung kháng cáo:

+ Bà Phiên yêu cầu được chia thừa kế diện tích 169,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (20,21,29,27,28,20) và diện tích 376m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (W, Z, 23, 22, 21, 20, 19, 18, W);

+ Ông Khởi yêu cầu được chia thừa kế diện tích 163 m<sup>2</sup>, trong phạm vi các mốc (19, 20, 28, C, 14, 19) và diện tích 395,9m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (F, W, 18, 7, 6, G, 5, F);

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là ông Khởi, bà Phiên; chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Phiên, ông Khởi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Khởi, bà Phiên; chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân T1 phố Cao Lãnh theo hướng: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.103,6m<sup>2</sup> (do ông Lê cho ông C theo giấy cho đất năm 1984). Phần đất còn lại có diện tích 601,8m<sup>2</sup> được xác định là di sản của cụ Đại và cụ Mỹ để lại được chia làm 05 phần nhưng do bà Tổng và ông Sảo đã có đơn khước từ nhận di sản nên phần đất này còn lại được chia 03 phần gồm: bà Phiên, ông Khởi và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C. Đồng thời, đề nghị giao toàn bộ diện tích 601,8m<sup>2</sup> cho bà Phiên, ông Khởi được quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thối 1/3 giá trị lại cho ông C.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về tố tụng**

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự - Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại Phường 11, T1 phố Cao Lãnh nên Tòa án nhân dân T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong vụ án có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

## **[2] Về nội dung**

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phiên, ông Nguyễn Ngọc Khởi; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện; phần đất các bên đang tranh chấp được xác định có diện tích là 1.732,5 m<sup>2</sup>; Theo bên nguyên đơn là ông C cho rằng phần đất tranh chấp có 01 phần là của cụ Nguyễn Văn Lẻ cho ông C diện tích 1.279,25m<sup>2</sup> vào ngày 28/12/1984 và 01 phần diện tích 498,15m<sup>2</sup> do cụ Nguyễn Văn Đại cho ông C; Còn phía bà Tống, bà Phiên, ông Khởi thì cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp nói trên là di sản của cụ Đại và cụ Mỹ.

Đối với diện tích 1.279,25m<sup>2</sup>: căn cứ vào tờ cho đất ngày 28/12/1984 thể hiện cụ Lẻ cho ông Nguyễn Văn C phần đất phía trên đường Quốc lộ 30 diện tích 1.279,25m<sup>2</sup>; Việc cho đất này có ông Huỳnh Văn Bé là đại diện Ban quản lý tập đoàn 1 và ông Nguyễn Thanh Hồng là Phó chủ tịch UBND xã Tân Nghĩa (nay là Phường 11) đại diện chính quyền địa phương xác nhận (bút lục 271). Ngoài ra, việc này cũng có các con của cụ Lẻ là bà Nguyễn Thị Mới, bà Nguyễn Thị Triều, bà Nguyễn Thị Sặng và bà Nguyễn Thị Nhánh xác nhận (bút lục 51 đến bút lục 58). Do đó, có đủ cơ sở để xác định nguồn gốc phần đất diện tích 1.279,25m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế có diện tích 1.130,6m<sup>2</sup>) là của cụ Nguyễn Văn Lẻ cho ông ông C.

Đối với phần đất diện tích 498,15m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế có diện tích 606,8m<sup>2</sup>) ông C cho rằng của cụ Nguyễn Văn Đại cho ông trước năm 1963. Lời trình bày này của nguyên đơn không được phía bị đơn thừa nhận, cũng như không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc được cho đất của nguyên đơn; Nhưng theo ông C thì phần đất này đã được các anh em của ông C thỏa Tận chia trước năm 1988.

Mặc dù tờ thỏa Tận chia đất ngày 19/05/1985 không phải là chứng cứ, không được bên ông Khởi, bà Phiên thừa nhận nhưng xét về nội dung của tờ thỏa Tận lại phù hợp với tờ cho đất năm 1984, phù hợp với lời trình bày của ông Hồng là phó chủ tịch UBND xã Tân Nghĩa thời bấy giờ (nay là Phường 11, T1 phố Cao Lãnh) và phù hợp với quá trình sử dụng đất của ông C (hiện trạng trên đất có con ông C là bà L và bà T) sử dụng đất từ năm 1986 đến nay, ban đầu bà L và bà T cất nhà tạm đến năm 1993 cất nhà kiên cố, trồng cây ăn trái và sử dụng ổn định từ đó đến nay đã hơn 30 năm. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (B, 15, 16, 17, 4, F, 26, B) là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần này.

Đối với diện tích 106,4m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (7, 8, 9, 10, 11, 12, E, C, 14, 19, 18, 7) và các đương sự thống nhất sử dụng làm lối đi công cộng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cây trồng trên đất, các đương sự thống nhất nếu cây trồng trên đất người nào được chia thì người đó được hưởng. Do đó, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C được sở hữu toàn bộ các cây trồng trên đất. Riêng các cây kiểng, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C và bà L thống nhất tự thỏa Tân nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định trên hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phiên, ông Khởi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Khởi bà Phiên thay đổi một phần yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế, thay đổi một phần nội dung kháng cáo nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm do việc thay đổi này.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Khởi, bà Phiên là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày đối với kháng nghị và đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát có một phần là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm Sát Tỉnh đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Công nhận cho phía nguyên đơn được sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 1.103,6 m<sup>2</sup> (thống nhất xác định phần đất do ông Tư Lệ cho ông C); Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Khởi, bà Phiên về việc chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 601,8m<sup>2</sup> của cụ Đại để lại; cụ thể chia diện tích 601,8m<sup>2</sup> cho 03 người được hưởng di sản thừa kế gồm bà Phiên, ông Khởi và phía ông C; giao diện tích 601,8m<sup>2</sup> cho ông Khởi, bà Phiên quản lý, sử dụng và ông Khởi, bà Phiên có trách nhiệm thối lại 1/3 giá trị đất cho phía những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C. Xét lời trình bày và đề nghị của Viện Kiểm Sát là chưa phù hợp: Bởi vì, về mặt chứng cứ thì bên nguyên đơn cung cấp biên bản hòa giải và tờ cam kết ngày 04/01/1985 thể hiện bà Tổng hái trái cây trên đất ông C, ông C tranh chấp, được UBND Phường 11 hòa giải và bà Tổng cam kết không tiếp tục hái trái cây trên phần đất của ông C quản lý, sử dụng. Mặc dù bà Tổng không thừa nhận nhưng nội dung đã được thể hiện bằng biên bản do chính quyền địa phương xác nhận, điều này càng củng cố lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời, phần đất này hiện do bà T, bà L con ông C đang quản lý, sử dụng, xây dựng phần nhà và vật kiến trúc khác (như nhà vệ sinh, nhà củi, trồng cây, để chậu kiểng) có trên đất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần diện tích 601,8m<sup>2</sup> cho bên ông C được tiếp tục quản lý, sử dụng là có căn cứ và phù hợp với thực tế khách quan.

Do sửa án sơ thẩm nên ông Khởi, bà Phiên không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 39; điều 227, điều 228; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phiên, ông Nguyễn Văn Khởi;

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKS nhân dân T1 phố Cao Lãnh.

3. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân T1 phố Cao Lãnh (do ông Khởi, bà Phiên thay đổi yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo).

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: bà Dương Thị A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Rạng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Bé Nga.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C gồm bà Dương Thị A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Rạng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Bé Nga được sử dụng phần đất diện tích 1.732,5m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (26, Z, W, F, 5, G, 6, 7, 18, 19, 14, C, 28, 27, 26) và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và chịu trách nhiệm nộp các khoản T theo quy định pháp luật (nếu có).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với diện tích 422,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (B, 15, 16, 17, 4, F, W, Z, 26, B).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Phiên về việc yêu cầu chia phần đất diện tích 169,1m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (20,21,29,27,28,20) và diện tích 376m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (W, Z, 23, 22, 21, 20, 19, 18, W):

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn Khởi về việc yêu cầu diện tích 163 m<sup>2</sup>, trong phạm vi các mốc (19, 20, 28, C, 14, 19) và diện tích 395,9m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc (F, W, 18, 7, 6, G, 5, F);

Đất tranh chấp Tộc một phần thửa 640, tờ bản đồ 13, loại đất trồng cây lâu

năm, tọa lạc tổ 2, khóm 1, Phường 11, T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc ngày 26/8/2020 và sơ đồ đo đạc ngày 14/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T1 phố Cao Lãnh).*

\* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tổng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị Phiên và ông Nguyễn Ngọc Khởi không phải chịu án phí.
- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C gồm bà Dương Thị A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Rạng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Bé Nga được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 651.000 đồng (Sáu trăm năm mươi một nghìn đồng), theo các biên la T số 13450 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Ngọc Khởi được nhận lại 3.768.000 đồng (Ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên la T số 0009079 ngày 04/7/2019 và 1.122.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên la T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002192 ngày 13/8/2018 của chi cục Thi hành án dân sự T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 9.408.000 đồng (Chín triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng); bà Tổng, bà Phiên, ông Khởi mỗi người phải chịu 3.136.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Số tiền trên, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong; Nên bà Tổng, bà Phiên, ông Khởi mỗi người phải trả lại số tiền 3.136.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm bà Dương Thị A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Rạng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Bé Nga.

\* Về án phí phúc thẩm:

- Bà Phiên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm (do bà Phiên có đơn xin miễn và Tộc trường hợp được miễn);
- Ông Khởi được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên la số 0007180, ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T1 phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Võ Trinh**